

# MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VỚI DOANH NGHIỆP

• Nguyễn Quốc Khánh<sup>(\*)</sup>, Lương Nguyễn Duy Thông<sup>(\*\*)</sup>

## Tóm tắt

*Thực tế bài toán nan giải hiện nay là sinh viên ra trường không tìm được việc làm, trong khi các doanh nghiệp lại không tuyển được lao động sau đào tạo đáp ứng được nhu cầu. Điều này cho thấy công tác đào tạo trong nhà trường đại học hiện nay vẫn chưa “gần” với nhu cầu xã hội, sinh viên ra trường còn thiếu nhiều kỹ năng, kiến thức thực tế công việc... Một trong những mấu chốt quan trọng nhất của vấn đề trên là những vướng mắc trong hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong công tác đào tạo. Bài viết phân tích cơ sở lý luận về mô hình liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp; từ đó đưa ra một số định hướng nâng cao hiệu quả liên kết đào tạo giữa trường đại học với doanh nghiệp nhằm khắc phục bất cập tồn tại những năm qua đối với giáo dục đại học nước ta.*

*Từ khóa: Mô hình liên kết đào tạo, trường đại học với doanh nghiệp, nhu cầu doanh nghiệp, định hướng nâng cao hiệu quả.*

## 1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, hiện tượng gây bức xúc đối với giáo dục đại học nước ta là đào tạo chưa gắn liền với nhu cầu của xã hội, đặc biệt nhu cầu của các doanh nghiệp. Một bộ phận sinh viên tốt nghiệp khó tìm được việc làm hoặc làm những công việc không phù hợp với chuyên môn được đào tạo. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017) công bố, trên 162.000 người có trình độ đại học trở lên bị thất nghiệp. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 63% sinh viên tốt nghiệp không có việc làm, 37% được tuyển dụng nhưng không đáp ứng được yêu cầu công việc, phải mất 1-2 năm để đào tạo lại (Zing.vn, 2017). Một cuộc khảo sát trực tuyến của Career Builder (2018) với hơn 1.000 nhà tuyển dụng tại các công ty khác nhau cho rằng:

- Kinh nghiệm của sinh viên ít liên quan đến ngành nghề sẽ làm việc sau khi ra trường;

- 23% nhà tuyển dụng nói rằng, khả năng và kinh nghiệm của ứng viên liên quan đến công việc là yếu tố quan trọng nhất, quyết định tuyển dụng của họ;

- 63% trong số họ cho rằng, các em chưa biết tự tích lũy kinh nghiệm qua các hoạt động tình

nguyện, buổi thực hành ở trường và qua những việc làm part-time;

- Thiếu tham vọng và lòng đam mê, chưa chú trọng vào những điểm mạnh của doanh nghiệp và những thách thức ở vị trí tuyển dụng.

Trước sự bế tắc về “đầu ra”, nhiều trường đại học đã ý thức được vấn đề phải “thần thiện”, do đó đã triển khai nhiều hoạt động liên kết đào tạo với doanh nghiệp. Bài viết dưới đây nhóm tác giả nêu rõ hai nội dung: Cơ sở lý luận về mô hình liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp và một số định hướng nâng cao hiệu quả liên kết đào tạo giữa trường đại học với doanh nghiệp nhằm khắc phục bất cập tồn tại của giáo dục đại học nước ta.

## 2. Nội dung

### 2.1. Cơ sở lý luận về mô hình liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp

2.1.1. *Nhu cầu hình thành mô hình liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp*

a. *Trường đại học trước những yêu cầu của kỹ nguyên mới*

Ngày nay, tiến bộ công nghệ đang làm thay đổi tận gốc rễ cuộc sống của chúng ta. Cùng với sự phát triển điện thoại di động, các trang mạng xã hội đang kết nối mọi người khắp nơi trên thế giới với nhau. Cuộc sống tương lai sẽ có nhiều thay đổi

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học Phan Thiết.

<sup>(\*\*)</sup> Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Đồng Tháp.

lớn khó dự đoán. Vấn đề đặt ra, giáo dục chuẩn bị được những gì cho thế hệ tương lai, nếu không có sự đổi mới?

Với lối dạy học truyền thống, nhà trường xem truyền đạt kiến thức là nội dung giáo dục chủ yếu, chú trọng đến việc chấp nhận chân lý đã có hơn là gợi mở người học biết đặt câu hỏi và khám phá chân trời mới. Trong thời đại kinh tế tri thức, kiến thức chuyên môn tạo ra tiến bộ công nghệ, làm tăng năng suất lao động, tạo ra phồn vinh nhưng nếu chỉ kiến thức thôi, con người sẽ thua xa trí tuệ nhân tạo. Giáo dục cần phải thay đổi cách nhồi nhét đủ thứ kiến thức chỉ nhằm mục tiêu thi cử và bằng cấp, chuyển sang tạo không gian cho người học được lên tiếng và chất vấn những gì đã có và đang có, để không chỉ có sản phẩm là những người giỏi về chuyên môn và kỹ thuật mà còn biết quan tâm tới các vấn đề xã hội; vấn đề chính là trang bị cho người học nhận thức về giá trị và thái độ sống tích cực chứ không phải kỹ năng, biết ứng xử với chính mình và cuộc sống, biết xây dựng thiện cảm, lòng tin và quan hệ hợp tác với người khác.

Trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng chung nhà trường của các nước hiện nay quan tâm trang bị người học hệ giá trị nền tảng, thái độ sống và kỹ năng sinh tồn. Theo đó các trường đại học xây dựng mối quan hệ hợp tác gắn bó hơn với giới doanh nghiệp, cũng như ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm của cơ sở đào tạo đối với phát triển cộng đồng xã hội. Thay vì chỉ tập trung tạo ra kiến thức mới và tạo ra con người chuyên gia, thì ngày nay nhà trường cần chú trọng cả việc đưa kiến thức vào cuộc sống và hướng tới đào tạo con người khởi nghiệp; có khả năng mở ra những mô hình kinh doanh mới, tạo ra những giải pháp, sản phẩm, nhu cầu mới của xã hội; có năng lực nhận diện cơ hội và chủ động nắm bắt. Đây là những phẩm chất cần thiết mà nhà trường hiện tại chỉ có thể chuẩn bị được cho người học, thông qua phát triển quan hệ hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp.

*b. Xu thế đổi mới phương thức đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp*

Từ hoạt động thực tiễn trong xã hội hiện đại và quá trình xây dựng nền kinh tế tri thức đã chỉ

rõ, một trong những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của cơ sở đào tạo, sự thành công bước đầu của sinh viên tốt nghiệp là kết quả kiến tạo môi trường vật chất, tinh thần hợp tác trong hoạt động đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp. Chính vì vậy, đã có nhiều trường đại học trên thế giới tiến hành cải cách cách thức đào tạo, mà trọng tâm chính là thiết lập mô hình liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp, ngày nay hiện tượng này đã trở thành xu thế đổi mới phương thức đào tạo của các trường đại học. Cụ thể:

- Tại Mỹ, Đạo luật Bayh-Dole thông qua vào tháng 12 năm 1980, cho phép các trường đại học và các tổ chức phi lợi nhuận được cấp bằng sáng chế và thương mại hóa kết quả nghiên cứu bằng ngân sách của chính phủ; các cơ quan liên bang được cấp giấy phép cho các công nghệ ứng dụng trong thương mại và đời sống sản xuất;

- Năm 1998, Nhật Bản ban hành Luật xúc tiến chuyển giao công nghệ công nghiệp đại học, cho phép thành lập các văn phòng cấp phép công nghệ (TLOs) nhận tài chính từ chính phủ, để trang trải các chi phí hành chính và khuyến khích các hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các trường đại học và đơn vị công nghiệp. Năm 2004, Nhật Bản tiến hành cải cách giáo dục đại học, trọng tâm chuyển đổi các trường đại học quốc gia thành một chế độ mới của sự sáng tạo tri thức.

Tại Việt Nam, mặc dù chủ trương đổi mới giáo dục với phương châm xã hội hóa giáo dục, gắn kết giáo dục với thực tế yêu cầu của xã hội, xây dựng mô hình quản lý đại học trong đó lấy nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ làm động lực phát triển bền vững, kèm theo các chính sách và cơ chế cho đại học gắn kết với doanh nghiệp - công nghiệp - dịch vụ. Tuy nhiên, thực tế kết quả vẫn chưa mang lại được như kỳ vọng.

*2.1.2. Những vấn đề về mô hình liên kết đào tạo giữa trường đại học với doanh nghiệp*

*a. Các mô hình liên kết đào tạo giữa trường đại học với doanh nghiệp*

Mô hình liên kết đào tạo giữa trường đại học và doanh nghiệp rất đa dạng.

- Liên kết trong nghiên cứu khoa học: đây là hình thức liên kết cao nhất, có ý nghĩa cơ bản lâu dài;

- Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, khả năng chuyển giao công nghệ càng cao nếu củng cố được bộ khung thể chế bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ;

- Thúc đẩy khả năng lưu chuyển của sinh viên, thông qua việc tạo ra các cơ chế hỗ trợ như đưa đi thực tập và tạo ra cơ hội giao lưu;

- Thúc đẩy sự vận động, lưu chuyển của giới hàn lâm, khuyến khích những hoạt động giao lưu hay hợp đồng làm việc ngắn hạn. Tuy nhiên, cần có luật lệ, quy định để bảo vệ quyền lợi;

- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, thông qua các cuộc thảo luận và trao đổi thông tin, tận dụng giới chuyên gia đang làm việc tại các doanh nghiệp tham gia đào tạo;

- Học tập suốt đời, tăng cường giao tiếp và mở rộng các hình thức học tập khác nhau;

- Hỗ trợ tinh thần sáng nghiệp và các hoạt động khởi nghiệp, tạo ra một văn hóa, đặt sinh viên trước những con đường sáng nghiệp và lối cuốn họ thoát ra khỏi lối mòn tư duy;

- Tham gia quản trị nhà trường, mời những doanh nghiệp thành đạt tham gia vào hội đồng trường.

*b. Lợi ích liên kết đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp*

Trong hoạt động liên kết đào tạo, yếu tố quyết định thành công là các bên phải cùng có lợi ích (Win-Win). Về lý thuyết, lợi ích của việc liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp là đáng kể cho cả hai bên. Cụ thể:

- Đối với doanh nghiệp, có được nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển, giảm bớt công sức tìm kiếm lao động trên thị trường tự do, thời gian và chi phí để đào tạo lại. Thậm chí có thể “đặt hàng” để đào tạo ra những cán bộ, chuyên gia đáp ứng được nhu cầu phát triển theo mong muốn. Tiếp cận trực tiếp với các giải pháp phát triển, phát minh, sáng chế và các dịch vụ tư vấn;

- Đối với trường đại học, trước hết sản phẩm

đầu ra đã có nơi đặt hàng, nhờ đó nắm bắt được cụ thể yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp, số lượng/qui mô cần phải đào tạo. Đây cũng là cơ sở quan trọng để thiết kế nội dung các chương trình đào tạo và tuyển chọn, phát triển đội ngũ giảng viên. Mặt khác, nhờ có đơn đặt hàng, có được nguồn kinh phí dồi dào, nhà trường có thể tăng cường cơ sở vật chất. Những lợi ích này sẽ giúp trường đại học có được thương hiệu mạnh, thu hút nguồn đầu vào giỏi, nhiều đơn đặt hàng và nhận được nhiều tài trợ.

Nói chung, gắn kết đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp sẽ mang lại lợi ích to lớn cho tất cả các bên. Sự gắn kết này đã và đang được các trường đại học và doanh nghiệp ở nhiều nước khai thác triệt để. Ở nước ta, các trường đại học và doanh nghiệp cũng bắt đầu thấy được lợi ích to lớn của việc gắn kết này.

*c. Nội dung và cơ chế đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp*

Nhìn chung, quy trình đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, chủ yếu gồm 3 khâu: đầu ra, công nghệ đào tạo và đầu vào. Các khâu đều có liên hệ mật thiết với nhau, trong đó khâu đầu ra là điều kiện, mục tiêu quyết định nội dung các khâu còn lại. Do sản phẩm đào tạo là cầu nối, vì vậy để gắn kết lợi ích, cả hai bên cần phải xác định rõ liên kết nội dung gì và cơ chế liên kết. Cụ thể:

*Về nội dung liên kết*

Nhà trường bắt đầu bằng việc nắm rõ hệ thống kỹ năng cần có của người cần đào tạo, sau đó mới lựa chọn công nghệ đào tạo và đầu vào phù hợp. Trong đó:

- Đầu vào, là các nguồn tuyển sinh theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo;

- Công nghệ đào tạo, gồm 6 thành tố: quản lý, giảng viên, chương trình đào tạo, học liệu, cơ sở vật chất, dịch vụ đào tạo và tài chính;

- Đầu ra, gồm: kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, phẩm chất, đánh giá, phát triển nhân lực.

Qua kết quả đánh giá nhu cầu “đầu ra”, nhà trường sẽ lựa chọn được công nghệ đào tạo thích

hợp. Đảm bảo các thành tố hướng vào đáp ứng yêu cầu đầu ra và tương thích với nhau. Mỗi thành tố đều có sự tham gia, phối hợp giữa đại học và doanh nghiệp.

#### *Về cơ chế gắn kết*

Thể hiện qua nội dung chương trình đào tạo, đây cũng là yếu tố có vai trò là điều kiện tiên quyết đảm bảo thành công.

- Tuỳ theo từng vị trí công việc trong doanh nghiệp, nhà trường sẽ thiết kế nội dung chương trình về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ và những phẩm chất nghề nghiệp cần thiết. Doanh nghiệp sẽ tham gia thông qua cung cấp thông tin, phản biện nội dung chương trình;

- Trên cơ sở các chương trình đào tạo đạt chuẩn khoa học, thực tiễn, liên thông quốc tế, nhà trường sẽ xây dựng học liệu. Doanh nghiệp sẽ tham gia hoặc cung cấp thông tin để viết các nghiên cứu tình huống. Kinh nghiệm thành công và thất bại của các cá nhân trong từng vị trí công việc;

- Đội ngũ giảng viên, căn cứ vào nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, các giảng viên phải xây dựng, điều chỉnh, bổ sung những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp mà doanh nghiệp cần, chứ không phải là dựa vào những thứ có sẵn hoặc ý muốn chủ quan;

- Phương pháp dạy - học, thực tập của sinh viên thay đổi theo hướng phục vụ người học, đảm bảo được sự linh hoạt và bám sát thực tế;

- Tăng cường năng lực về cơ sở vật chất, doanh nghiệp có thể hỗ trợ qua hiến tặng giảng đường, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học và đào tạo tại doanh nghiệp;

- Các dịch vụ đào tạo gắn với nhu cầu, bao gồm tất cả các hoạt động nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chương trình đào tạo, trong đó đặc biệt là các dịch vụ tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên;

- Nguồn tài chính, doanh nghiệp cung cấp học bổng, trả học phí dưới dạng tài trợ để đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực cho mình, ký các hợp đồng nghiên cứu, tư vấn và đầu tư mạo hiểm (phát minh,

sáng chế, ý tưởng mới,...) hoặc khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp, khu công nghệ cao...;

#### *2.1.3. Điều kiện đảm bảo mô hình liên kết đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp*

Để đảm bảo thành công cho mô hình đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, cần thỏa mãn được các điều kiện sau.

##### *a. Đối với quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp và trường đại học*

- Nhận thức và quyết tâm của lãnh đạo trường và doanh nghiệp. Các bên phải thấy rõ được lợi ích của sự hợp tác và hiểu đầy đủ cần phải làm cái gì và như thế nào;

- Cần có chiến lược phát triển rõ ràng, với doanh nghiệp cần có chiến lược nhân sự cụ thể, yêu cầu của từng vị trí công việc;

- Cần có các bộ phận chuyên trách, thực hiện công việc hợp tác, đảm nhận vai trò làm cầu nối, điều phối chuyên nghiệp các hoạt động đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp.

##### *b. Đối với quan hệ hợp tác giữa Chính phủ, doanh nghiệp và trường đại học*

- Chính sách, hỗ trợ tài chính, đất đai...;

- Nhận thức, quyết tâm chiến lược phát triển rõ ràng, quyền tự chủ cao;

- Bộ phận chuyên trách thực hiện;

- Nhà trường phải được quyền tự chủ cao trong các quyết định có liên quan đến các hoạt động đào tạo;

- Cần có sự hỗ trợ của Chính phủ, chính quyền địa phương.

#### *2.1.4. Các yếu tố tác động đến mô hình liên kết đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp*

Tuỳ theo từng cấp độ, các yếu tố tác động đến mô hình liên kết đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp như sau:

- Ở cấp độ hành động, đó là vai trò của các bên liên quan bao gồm nhà trường, Nhà nước và các doanh nghiệp. Trong đó trường đại học được hiểu là bao gồm những người giảng dạy và nghiên cứu

chuyên nghiệp; giới quản lý; giới chuyên gia đang làm ở các doanh nghiệp và có tham gia vào một số hoạt động chuyên môn của nhà trường;

- Ở cấp độ các nhân tố, đó là nhận thức về lợi ích, động lực và rào cản, cũng như các nhân tố tình thế tạo thuận lợi hay gây cản ngại cho mối quan hệ hợp tác;

- Ở cấp độ kết quả, đó là hợp tác trong nghiên cứu, lưu chuyển các nhà khoa học, sinh viên, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, giáo dục suốt đời, hỗ trợ sáng nghiệp và quản trị tổ chức;

- Ở cấp độ sản phẩm, đó là việc tạo ra kiến thức mới qua nghiên cứu, sáng chế, phát minh, bài báo khoa học; Thúc đẩy sản xuất qua chuyển giao công nghệ, tăng trưởng kinh tế dựa trên tri thức; Cung cấp nguồn nhân lực có kỹ năng qua đào tạo, số sinh viên tốt nghiệp có việc làm;

- Ở cấp độ tác động đến tăng trưởng kinh tế đó là những thay đổi trong phương thức sản xuất hay cách thức mà xã hội đang tồn tại và nền kinh tế đang vận hành từ những sản phẩm được tạo ra.

## **2.2. Một số định hướng nâng cao hiệu quả liên kết đào tạo giữa trường đại học với doanh nghiệp**

### *2.2.1. Thiết kế chương trình đào tạo dựa trên nhu cầu doanh nghiệp*

Bắt nguồn từ phương pháp đào tạo theo vấn đề Aalborg (PBL) do Đại học Aalborg (Đan Mạch) đưa ra để thu hút doanh nghiệp tham gia vào các dự án của sinh viên và từ đó hình thành nên các nhu cầu đào tạo theo thực tế doanh nghiệp cần. Loại hình này rất phù hợp với các ngành kinh tế vì thường chỉ giải quyết một vấn đề liên quan đến công ty theo xu hướng biến đổi kinh tế xã hội hiện thời. Chương trình đào tạo ra làm hai phần.

- Kiến thức nền tảng mang tính học thuật cao nhằm tạo cơ sở khoa học nền tảng để giải quyết vấn đề đặt ra;

- Kiến thức mô hình thực tế là giới thiệu các mô hình lý thuyết dùng để giải quyết các vấn đề sẽ được giải quyết trong dự án;

Với chương trình đào tạo này sinh viên sẽ biết học để làm gì và làm gì để hiểu rõ hơn những gì được học. Ngoài ra, còn cho phép nhà trường lập ra hội đồng đánh giá khóa học các giảng viên trong và ngoài trường và các thành viên. Mặt khác, tạo mối liên kết hữu cơ, doanh nghiệp được mời cùng tham gia kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên, đồng thời có thể tác động thay đổi kết cấu chương trình đào tạo, trong khi nhà trường sẽ cân bằng được chương trình đào tạo có kịp thời đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội.

### *2.2.2. Thiết lập và xây dựng mạng lưới liên kết với doanh nghiệp liên quan*

Xuất phát từ mô hình liên kết của Đại học Madrid (Tây Ban Nha), xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp có các thành tố cựu sinh viên, mối quan hệ lãnh đạo, để tranh thủ sự hỗ trợ hình thành nên các trung tâm phát triển hợp tác doanh nghiệp. Có hai hình thức triển khai:

- Liên kết nội bộ, cần có đại diện của mỗi phòng ban để phân phối các vấn đề của doanh nghiệp đến các nhóm nghiên cứu;

- Liên kết bên ngoài, cần có người làm đại diện, nhiệm vụ chính là tổ chức các buổi gặp mặt trao đổi cũng như thảo luận giữa nhà trường và doanh nghiệp.

### *2.2.3. Xây dựng bộ phận phát triển nghề nghiệp thường xuyên*

Ý tưởng này lần đầu được triển khai tại Đại học Babes - Bolyai (Rumani), hình thành bộ phận phát triển nghề nghiệp, đào tạo nâng cao. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu để tổ chức thiết kế chương trình đào tạo theo đúng nhu cầu đang cần của doanh nghiệp, theo hình thức chính quy, bán chính quy và đào tạo từ xa. Đối tượng người học tập trung vào nhóm tuổi từ 30 đến 40, những người đang đi làm cần cải thiện kỹ năng hoặc bổ sung một số kiến thức có liên quan. Với chương trình đào tạo từ xa và theo yêu cầu, dự kiến sẽ giúp đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường tương thích với yêu cầu của xã hội, đặc biệt cập nhật được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp.

#### 2.2.4. Hợp tác liên doanh đào tạo, lập trung tâm mô phỏng thực tế công nghiệp

Mô hình này phù hợp với tình trạng thiếu kinh phí, bằng cách liên doanh với các doanh nghiệp để xây dựng các phòng mô phỏng thực tế cho sinh viên thực hành và đào tạo nâng cao cho kỹ sư của chính doanh nghiệp. Việc này, giúp các trường xây dựng được cơ sở hạ tầng phục vụ cho nghiên cứu học tập đồng thời cũng khai thác được lợi ích kinh doanh. Tuy nhiên, hình thức hợp tác này chỉ thành công, khi cả hai bên dựa trên mục tiêu chuyển giao kiến thức công nghệ, chứ không phải đơn thuần là tiết kiệm tiền trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu và học tập. Nếu thực hiện được, việc chuyển giao kiến thức và công nghệ đến người sử dụng cuối cùng sẽ được đẩy nhanh hơn rất nhiều.

#### 2.2.5. Liên kết hợp tác nghiên cứu giữa trường đại học - chính quyền địa phương - doanh nghiệp

Xuất phát từ Đại học Madrid (Portugal), Đại học Babes-Bolyai (Rumani), trong việc thương mại hóa khoa học công nghệ thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Qua đó giúp tạo ra nguồn lực tài chính tài trợ cho các đề tài nghiên cứu và đẩy nhanh quá trình chuyển giao khoa học công nghệ đến nơi cần đến. Mỗi quan hệ bộ ba Đại học - Địa phương - Doanh nghiệp dự kiến sẽ giúp các trường đại học tiếp cận được các doanh nghiệp dễ dàng, nhanh chóng hơn và tạo cơ sở cho phát triển các dự án, đề tài nghiên cứu sát với thực tế và nhà trường có được sự tài trợ kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước và doanh nghiệp.

#### 2.2.6. Phân quyền quản lý trong trường đại học

Để có thể khai thác hết thế mạnh của từng cá nhân trong các bộ phận của trường đại học, nhiệm vụ liên kết doanh nghiệp nên phân tán về cho từng khoa, thay vì tập trung ở một bộ phận hoặc Ban Giám hiệu. Thậm chí có thể giao về cho từng bộ môn. Mô hình này rất thành công ở Đại học Ulsan (Hàn Quốc) và Đại học Tulsa (Oklahoma, Mỹ), họ thường xuyên mời các doanh nghiệp có lĩnh vực kinh doanh liên quan đến từng chuyên ngành đào tạo về từng khoa/bộ môn để trình bày, cũng

như cung cấp thông tin về các cơ hội việc làm cho sinh viên, thay vì tổ chức các Ngày hội Công ty (Company Day) cho các sinh viên sắp tốt nghiệp ra trường. Những buổi báo cáo này được xem như là các khóa học bổ sung vào chương trình đào tạo chính khóa.

#### 2.2.7. Tổ chức hội thảo khoa học - Doanh nghiệp

Hình thành các diễn đàn trao đổi hay các buổi hội thảo khoa học có sự tham gia của giảng viên, các nhà khoa học nghiên cứu độc lập, doanh nghiệp và cựu sinh viên. Ở Mỹ, các đại học thường tổ chức các buổi đối thoại giữa nhà trường với doanh nghiệp về các vấn đề kinh tế - xã hội phát sinh nổi trội gần nhất. Nhà trường còn có định hướng đưa mối quan hệ với các doanh nghiệp lên tầm đối tác chiến lược. Doanh nghiệp hỗ trợ tài chính, đổi lại các giáo sư sẽ phải cam kết hoàn thành các báo cáo khoa học phục vụ cho các đề tài nghiên cứu theo ý muốn của doanh nghiệp, ngay cả tham gia huấn luyện doanh nghiệp nếu được yêu cầu.

#### 2.2.8. Thành lập doanh nghiệp thuộc khoa của trường đại học

Trường đại học có thể cho phép các khoa thành lập các doanh nghiệp nghiên cứu con hoặc phòng thí nghiệm dịch vụ dưới sự quản lý của khoa. Đây là một trong những yếu tố đặc trưng của các trường đại học tiên tiến hiện nay. Qua đó làm tăng tính tích cực, chủ động của giảng viên trong việc đóng góp vào mối liên kết trường học và doanh nghiệp. Các nghiên cứu cứu sẽ chỉ phục vụ thực tiễn, vì đánh trực tiếp vào các yếu tố sống còn của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động sẽ lấy từ các nghiên cứu của doanh nghiệp và đóng góp chung vào hoạt động của khoa.

#### 2.2.9. Chương trình huấn luyện nghề nghiệp

Xuất phát từ Đại học Surrey (UK) xây dựng một chương trình huấn luyện nghề nghiệp cho sinh viên ngay từ năm thứ 3 (Đây là đợt huấn luyện nghề nghiệp để chuẩn bị trước các kinh nghiệm nghề nghiệp cho sinh viên trước khi nhận đề tài/dự án nghiên cứu tốt nghiệp). Sinh viên sẽ được nhà trường chọn lọc gửi đến các doanh nghiệp theo

đúng chuyên môn đang theo học. Chương trình huấn luyện này được tính như một tín chỉ phải hoàn thành trước khi bước vào năm cuối. Nhà trường tạo ra một mạng lưới các trợ giảng cấp cao (người của doanh nghiệp), có hiểu biết và kiến thức về lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn, dựa trên mối quan hệ lâu dài, để hỗ trợ sinh viên trong suốt chương trình huấn luyện. Sinh viên sẽ có cơ hội cọ xát và thể hiện trước yêu cầu và môi trường làm việc tại doanh nghiệp. Các trợ giảng sẽ giao nhiệm vụ và giám sát sinh viên trong suốt quá trình thực tập. Nhằm làm cho đề tài tốt nghiệp sẽ phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp và sinh viên có thời gian trải nghiệm thực tế, để có định hướng nghiên cứu tốt hơn.

### 3. Kết luận

Đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp là xu hướng tất yếu trong cơ chế thị trường. Việc gắn kết này sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cả nhà trường đại học và doanh nghiệp. Ở nước ta hiện nay, mặc

dù trường đại học và doanh nghiệp đã nhận thức được lợi ích của việc hợp tác với nhau nhưng do chưa xây dựng được văn hoá chung nên các bên còn lúng túng, chưa thực sự quyết tâm hợp tác. Việc gắn kết đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp chỉ thực sự thành công nếu lãnh đạo các bên đều thống nhất được nhận thức, quyết tâm thực hiện; các bên đều có chiến lược phát triển rõ ràng; có bộ phận chuyên trách thực hiện; trường đại học được tự chủ cao và có sự hỗ trợ cần thiết cả về cơ chế chính sách và tài chính, đất đai của Chính phủ, địa phương.

Một trường đại học cũng có thể lựa chọn nhiều mô hình khác nhau, tùy vào đặc trưng của từng khoa/bộ môn cũng như mối quan hệ và đặc thù của doanh nghiệp. Nhưng dù hình thức nào, các trường đại học đều phải thừa nhận rằng đây là yếu tố có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mình./.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017), “Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam”, <http://www.molisa.gov.vn/Images/FileAnPham/fileanpham2017918937744.pdf>.
- [2]. Careerbuilder (2018), “Nhà tuyển dụng cần gì ở sinh viên mới ra trường?”, <https://careerbuilder.vn/vi/talentcommunity/nha-tuyen-dung-can-gi-o-sv-moi-ra-truong.35a5016c.html>.
- [3]. S. K. Chou (2007), “Development of University - Industry Partnerships for the Promotion of Innovation and Transfer of Technology: Singapore”, WIPO, 2007, ISBN 9280516205, 2014.
- [4]. Trần Khánh Đức (2012), “Đặc trưng và mô hình quản lý giáo dục ở một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (Số 102), tr.42-43, 45.
- [5]. Trần Văn Hình (2017), “Hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp và những tác động tích cực từ quá trình tự chủ đại học”, <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc/hop-tac-giua-nha-truong-voi-doanh-nghiep-va-nhung-tac-dong-tich-cuc-tu-qua-trinh-tu-chu-dai-hoc-3654278-v.html>.
- [6]. Hoàng Hùng, Lê Văn Sỹ, Nguyễn Văn Lợi, Lê Quốc Phong, Nguyễn Quang Vinh (2016), “Mô hình trường “Đại học - doanh nghiệp”: Mô hình, cơ chế và chính sách trong bối cảnh Việt Nam”, *Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU)*, [http://pvu.edu.vn/images/khoa-hoc-cong-nghe/bai-bao-khoa-hoc/6-2016/GV1509\\_paper\\_hung.pdf](http://pvu.edu.vn/images/khoa-hoc-cong-nghe/bai-bao-khoa-hoc/6-2016/GV1509_paper_hung.pdf).
- [7]. Phạm Thị Ly (2018), “Đi tìm câu trả lời trong bối cảnh đang thay đổi. Bài toán sư phạm từ góc nhìn hệ thống”, *Bài đăng báo Tuổi trẻ Cuối tuần ngày 13/3/2018*.
- [8]. Phạm Thị Ly (2016), “Về quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp”, từ <https://www.lypham.net/?p=745>.
- [9]. Trịnh Thị Hoa Mai (2008), “Liên kết đào tạo giữa nhà trường đại học với doanh nghiệp ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Kinh tế - Luật 24 (2008), tr. 30-34.

[10]. Julio A Pertuze, Edward S Calder, Edward M Greitzer, William A Lucas (2010), “Best Practices for Industry - University Collaboration”, *MITSloan Management Review*, Summer 2010, Vol. 51, No. 4, pp.83-90.

[11]. Dosun Shin (2009), “Design Collaboration University - Industry Partnerships in New Product Development”, *International Association Societies of Design Research*, [http://www.iasdr2009.or.kr/navigation/program\\_day4.html](http://www.iasdr2009.or.kr/navigation/program_day4.html).

[12]. Zing.vn (2012), “63 % sinh viên thất nghiệp, giáo dục có vấn đề?”, *Theo Giáo dục Việt Nam*, <https://news.zing.vn/63-sinh-vien-that-nghiep-giao-duc-co-van-de-post274456.html>. từ <https://news.zing.vn/>.

## **SOME ORIENTATIONS FOR ENHANCING EFFICIENCY OF TRAINING LINKS BETWEEN UNIVERSITY AND ENTERPRISES**

### **Abstract**

The current dilemma is now that it is very hard for graduates to find jobs, while businesses cannot recruit trained workers to meet their needs. This shows that the training work in universities is still not "close" to social needs. Graduates still lack many practical skills and knowledge. One of the principal causes is the cooperation between schools and businesses in training. The paper outlines the theoretical basis for the model of university-business linkages; thereby, it proposes some orientations to improve the effectiveness of training links between the two partners in order to overcome the inherent shortcomings in the past years for higher education in our country.

Keywords: Models of joint training, universities with businesses, business needs, efficiency improvement orientation.